

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2021/HNGĐ- ST
Ngày 28-12-2021
V/v ly hôn và nuôi
con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y
*Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Ngọc Mai

- Bà Đoàn Thị Mến

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 152/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 17-11-2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03-12-2021; thông báo mở lại phiên tòa số 31 ngày 15 tháng 12 năm 2021 giữa;

Nguyên đơn: Chị Tạ Thị H, sinh năm 1995- Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Y

Bị đơn: Anh Bàn Văn H, sinh năm 1993- Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Y

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 13 tháng 10 năm 2021 nguyên đơn chị Tạ Thị H trình bày: Chị H và anh Bàn Văn H có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019 ở tại Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Y. Đến ngày 23-02-2021 chị H và anh S mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Y. Quá trình chung sống chị H và anh S không được hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S không quan tâm, không có trách nhiệm với vợ con. Chị H có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh S không thay đổi.

Chị H đã sống ly thân anh S từ tháng 3 năm 2021. Nay chị H xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Chị H và anh S có một con chung tên là Bàn Ngọc H, sinh ngày 13-4-2021. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu H, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành giải quyết vụ án, nhưng anh S vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử: Chị H được ly hôn anh S; giao cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; chị H, anh S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án huyện L là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về tư cách người tham gia tố tụng:* Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] *Về tình cảm:* Chị Tạ Thị H và anh Bàn Văn H có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019 ở tại Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Y. Đến ngày 23-02-2021 chị H và anh S mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Y. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị H và anh S không được Hạnh Phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S không

quan tâm, không có trách nhiệm với vợ con. Chị H có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh S không thay đổi. Chị H đã sống ly thân anh S từ tháng 3 năm 2021. Chị H xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S. Tại phiên tòa chị H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh S. Đối với anh S trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đều vắng mặt không có lý do. Mặc dù anh S biết việc chị H xin ly hôn nhưng anh S không có ý kiến gì. Tại biên bản xác minh ngày 27-10-2021 ở Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Y cũng xác nhận: Trong quá trình chung sống giữa chị H và anh S không được hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh S không quan tâm đến mẹ con chị H, anh chị không sống cùng nhau nữa. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị H và anh S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chị H được ly hôn anh S.

[4] *Về con chung*: Chị H và anh S có một con chung tên là Bàn Ngọc H, sinh ngày 13-4-2021. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu H, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi cháu H 1.000.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa chị H Vắng mặt nhưng chị vẫn giữ nguyên yêu cầu này. Đối với anh S trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh S đều vắng mặt, mặc dù anh biết việc chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu H và chị yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi cháu H 1.000.000 đồng/tháng, nhưng anh S không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay cháu H sống cùng chị H, cháu H sinh ngày 13-4-2021 còn rất nhỏ đang bú sữa mẹ nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình: “Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Anh S là người không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Qua xác minh tại Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Y nơi anh S cư trú sinh sống xác nhận: Thu nhập bình quân của anh S ở tại địa phương từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng. Do đó nguyện vọng của chị H được trực tiếp nuôi cháu H và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ pháp luật, phù hợp với thực tế được chấp nhận.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, anh S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự; các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điểm a khoản 6

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân xử: Chị Tạ Thị H được ly hôn anh Bàn Văn H.

2- Về con chung xử: Giao cháu Bàn Ngọc H, sinh ngày 13-4-2021 cho chị Tạ Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, Anh Bàn Văn H phải cấp dưỡng nuôi cháu H 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 01-2022 đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3- Về án phí:

- Chị Tạ Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2021/0002008 ngày 06-10-2021 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Bàn Văn H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

4- Quyền kháng cáo: Chị Tạ Thị H, anh Bàn Văn H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TA Tỉnh Y;
- VKS L;
- CCTHA L;
- UBND xã T
- huyện Y, tỉnh Y;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

Hoàng Văn Anh